

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08/01/2025
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm; Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 588/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 569/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 389/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1988; ĐKKHKT: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Mạnh T**, sinh năm 1989; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 1967; Địa chỉ : Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Mạnh T kết hôn lần đầu năm 2008. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên năm 2020 chị và anh T đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Giang giải quyết cho ly hôn. Sau đó vì thương các con, anh chị quyết định quay lại với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/01/2021. Tuy nhiên từ khi đăng ký kết hôn anh chị vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên không về chung sống cùng nhau mà tiếp tục sống ly thân. Năm 2024 anh T đi lao động ở Đài Loan. Đến nay chị xác định mâu thuẫn của chị và anh T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Nguyễn Hải Y, sinh ngày 07/3/2010; Nguyễn Hải Tường V, sinh ngày 16/05/2015; Nguyễn Hải Tiến Đ, sinh ngày 27/8/2018. Hiện cả 3 cháu đều đang ở với bà nội tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả 03 con chung cho anh T nuôi dưỡng và bố mẹ anh T sẽ hỗ trợ anh T chăm sóc nuôi dưỡng các cháu trong thời gian anh T đi lao động tại Đài Loan. Chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000 đồng/1 con/1 tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc L trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Mạnh T, anh T hiện đang lao động tại Đài Loan. Anh T1 vẫn thường xuyên gọi điện về nhà cho bà nhưng không cho bà biết địa chỉ cụ thể của anh T1 tại Đài Loan. Anh T1 và chị Hòa kết H1 lần đầu vào năm 2008. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Đến khoảng năm 2019 thì bà được chị H cho biết là anh chị ấy đã làm thủ tục ly hôn xong tại Tòa án nhân dân huyện Bình Giang. Sau đó đến năm 2020 chị H đi lao động ở Đài Loan. Khoảng năm 2021 chị H, anh T1 đăng ký kết hôn lại nhưng sau đó vẫn không về chung sống cùng với nhau. Đến cuối năm 2023 anh T1 đi lao động ở Đài Loan. Chị H và anh T1 có 3 con chung là Nguyễn Hải Y, sinh ngày 07/3/2010; Nguyễn Hải Tường V, sinh ngày 16/05/2015; Nguyễn Hải Tiến Đ, sinh ngày 27/8/2018. Từ khi các cháu còn nhỏ cho đến nay đều ở với bà, sau khi vợ chồng chị H ly hôn, chị H, anh T1 đi nước ngoài bà là người trực tiếp chăm

sóc các cháu. Chị H xin ly hôn, bà đã gọi điện cho anh T1 và thông báo cho anh T1 biết, anh T1 nhất trí ly hôn và xin được nuôi cả 3 con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 không về Việt Nam để giải quyết được nên đề nghị Tòa án cho anh T1 vắng mặt. Nếu anh T1 được Tòa án giao nuôi con bà đồng ý thay anh T1 chăm sóc các cháu cho đến khi anh T1 về Việt Nam. Do công việc bận bà cũng đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

Cháu Nguyễn Hải Y và cháu Nguyễn Hải Tường V trình bày: Nếu bố mẹ các cháu ly hôn các cháu có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội.

Tòa án xác minh UBND xã T thể hiện: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Mạnh T kết hôn hợp pháp và sinh sống tại địa phương. Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tính tình vợ chồng không hợp nhau. Về con chung: Anh T1, chị H có 3 con chung như chị H trình bày là đúng. Cả 3 cháu đều ở với bố mẹ đẻ của anh T1.

Theo xác minh tại Phòng Q – Công an tỉnh H: Anh Nguyễn Mạnh T lần gần nhất xuất cảnh ngày 21/01/2024 hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt họ là đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ, khoản 1, khoản 2 điều 227, điều 228 và khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Lê Thị H ly hôn anh Nguyễn Mạnh T. Về con chung: Giao ba con chung Nguyễn Hải Y, sinh ngày 07/3/2010; Nguyễn Hải Tường V, sinh ngày 16/05/2015; Nguyễn Hải Tiến Đ, sinh ngày 27/8/2018 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T mỗi con 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Mạnh T có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương hiện đang làm việc, sinh sống tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Nguyên đơn chị Lê Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Nguyễn Mạnh T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Mạnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, ngày 27/01/2021 là hôn nhân hợp pháp. Chị H xác định quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung, đã sống ly thân từ năm 2021. Nay xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Anh T1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc. Bà Nguyễn Ngọc L là mẹ đẻ của anh T1 trình bày quá trình vợ chồng chị H anh T1 chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm. Tòa án giao văn bản tố tụng cho bà, bà đã thông báo cho anh T1 biết, anh T1 đồng ý ly hôn với chị H và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh T1. Xét thấy mâu thuẫn của chị H, anh T1 đã trầm trọng và đã sống ly thân từ năm 2021, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H xử cho chị H được ly hôn anh T1.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Mạnh T có ba con chung Nguyễn Hải Y, sinh ngày 07/3/2010; Nguyễn Hải Tường V, sinh ngày 16/05/2015; Nguyễn Hải Tiến Đ, sinh ngày 27/8/2018. Chị H đề nghị giao cả 3 con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi con là 1.000.000đ/tháng. Bà L xác định bà đã thông báo cho anh T về việc chị H xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung. Anh T1 có quan điểm xin được nuôi cả 3 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung, do anh T1 đang ở nước ngoài nên ủy quyền cho bà L chăm sóc các cháu cho đến khi anh T1 về Việt Nam. Xét thấy từ

khi các cháu còn nhỏ đã ở với bà nội là bà Nguyễn Ngọc L. Sau khi chị H, anh T1 đi lao động ở nước ngoài thì bà L là người trực tiếp chăm sóc các cháu, điều kiện về chỗ ở, học tập đều đảm bảo. Cả 3 cháu đều trình bày nguyện vọng xin được ở với bố và ông bà nội. Do đó HĐXX, giao cả 3 con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm giao con chung Nguyễn Hải Y, Nguyễn Hải Tường V, Nguyễn Hải Tiến Đ cho bà Nguyễn Ngọc L nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh Nguyễn Mạnh T về Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn và phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H, xử cho chị Lê Thị H ly hôn anh Nguyễn Mạnh T.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Hải Y, sinh ngày 07/3/2010; Nguyễn Hải Tường V, sinh ngày 16/05/2015; Nguyễn Hải Tiến Đ, sinh ngày 27/8/2018 cho anh Nguyễn Mạnh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Chị Lê Thị H cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con là 1.000.000đ/tháng x 3 con = 3.000.000đ/tháng, kể từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Tạm giao con chung Nguyễn Hải Y, Nguyễn Hải Tường V, Nguyễn Hải Tiến Đ cho bà Nguyễn Ngọc L nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh Nguyễn

Mạnh T về Việt Nam.

Kể từ khi anh T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị H không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng, tổng bằng 600.000đồng, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0005309 ngày 06 tháng 11 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, còn phải nộp 300.000đ.

4. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, B, Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy